

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
Câu hỏi cho người nộp đơn

ODP. IV :

Date :
Ngày

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you can not read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Xin điền vào Bảng câu hỏi sau đây bằng tiếng Khét càng đầy đủ càng tốt. Nếu Bạn không đọc hoặc viết rành Anh ngữ được thì xin điền bằng tiếng Việt.

Mail or send the completed questionnaire to :
Gởi Bảng câu hỏi này về :
MRS KHUC MINH THO
PO. Box 5435 Arlington
Va. 22205-0635
U. S. A.

A. BASIC IDENTIFICATION DATA / Lý lịch căn bản.

1. Name : LIÊU HIEM Sex : Male
Họ tên : Phái
2. Other Name : Any
Họ tên khác
3. Date/Place of birth : 1928 Thới Đông, Hậu Giang
Ngày/Nơi sinh
4. Residence Address : Thới Trường Hamlet, Thới Xuân Commune,
Địa chỉ thường trú Ô Môn, District, Hậu Giang Province
VIỆT NAM
5. Mailing Address : Same as above.
Địa chỉ thư từ
6. Current Occupation : Farmer.
Nghề nghiệp hiện tại

B. RELATIVES TO ACCOMPANY ME / Bà con cùng đi với tôi.

(NOTE : Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital (MS) as follows : Married (M), Divorced (D), widowed (W), or Single (S).)

(CHÚ Ý : Chỉ có vợ/chồng và con chưa lập gia đình mới có thể cùng đi với Bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia đình như sau : đã lập gia đình (M), đã ly hôn (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S).)

NAME	DATE/PLACE OF BIRTH	SEX	M.S.	RELATIONSHIP
1. Liêu HƯỜNG	: 1950	: F	: M	: Daughter
2. Liêu HOÀNG	: 06.06.56	: M	: M	: Son
3. Liêu SƠN	: 1902 .65 Phong Dinh	: M	: M	: Son
4. Liêu Thị THU	: 10.08.66 Kontum	: F	: M	: Daughter
5. Liêu HÀ	: 20.07.67 Kontum	: M	: M	: Son
6. Liêu Thị XUÂN	: 24.06.68 Kontum	: F	: M	: Daughter
7. Liêu UT	: 01.08.69 Kontum	: M	: S	: Son
8. Liêu ET	: 05.08.70 Kontum	: M	: S	: Son
9. Liêu Thị LIÊM	: 01.08.71	:	:	: Daughter

(NOTE : For the person listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced) spouse's death certificate (if widowed), ID Cards (if available), and photos. If any on the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ Ý : Cho những người cùng có tên trong danh sách trên, chúng tôi cần giấy khai sinh, giấy kết hôn (nếu đã lập gia đình), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai tử của vợ/chồng (nếu là góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có) và hình. Nếu những người sẽ cùng đi với bạn mà hiện nay không cùng chung ngụ, xin khai địa chỉ của họ vào Phần I bên dưới.)

C. RELATIVES OUTSIDE VIETNAM / Họ hàng ở ngoại quốc.

- | | OF MYSELF
của tôi | OF MY SPOUSE
của vợ/chồng |
|--|----------------------|------------------------------|
| 1. Closest Relative in The U.S.
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa Kỳ | : | : |
| a. Name
Họ, tên | : | : |
| b. Relationship
Liên hệ gia đình | : | : |
| c. Address
Địa chỉ | : | : |
| d. Date of Relative's Arrival
in The U.S.
Ngày bà con đến Hoa Kỳ | : | : |
| 2. Closest Relative in Other Foreign Countries
Bà con thân thuộc nhất ở các nước khác | : | : |
| a. Name
Họ, tên | : | : |
| b. Relationship
Liên hệ gia đình | : | : |
| c. Address
Địa chỉ | : | : |

D. COMPLETE FAMILY LISTING (Living/Dead) / Danh sách toàn thể gia đình (sống/chết)

- | | | |
|--|---|--|
| 1. Father
Cha | : | LIÊU LÊN (dead) |
| 2. Mother
Mẹ | : | THẠCH THỊ NAI |
| 3. Spouse
Vợ/chồng | : | THẠCH THỊ TAO, born in 1928 at Ngoc Chuc. Living in Hấp Giang. |
| 4. Former Spouse (if any)
Vợ/chồng trước (nếu có) | : | Any |
| 5. Children
Con cái | : | (1) Liêu HƯỜNG |
| | | (2) Liêu HOÀNG 06.06.56 Farmer. Living at HGIANG |
| | | (3) Liêu SƠN 19.02.55 id |
| | | (4) Liêu thị THU 10.08.66 id |
| | | (5) Liêu HẢ 20.07.67 id |
| | | (6) Liêu Thị Xuân 14.06.68 id |
| | | (7) Liêu ỨT 01.08.69 id |
| | | (8) Liệt ỨT 05.08.70 id |
| | | (9) Liêu Thị LIÊN 01.08.71 id |
| 6. Siblings
Anh chị em | : | ANY |

E. EMPLOYMENT BY U.S. GOVERNMENT AGENCIES OR OTHER U.S. ORGANIZATIONS
OF YOU OR YOUR SPOUSE / Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công
sở của Chính Phủ Hoa Kỳ hoặc Hãng Mỹ.

1. Employee Name :
Tên họ nhân viên :
Position Title :
Chức vụ :
Agency/Company/Office :
Sở / Hãng / Văn phòng :
Length of Employment : From : To :
Thời gian làm việc Từ tới :
Name of American Supervisor :
Tên họ giám thị Mỹ :
Reason for Separation :
Lý do nghỉ việc :
2. Employee Name :
Tên họ nhân viên :
...
Reason for Separation :
Lý do nghỉ việc :
3. Employee Name :
Tên họ nhân viên :
...
Reason for Separation :
~~Lý do nghỉ việc~~ :

F. SERVICE WITH GVN OR RVNAF BY YOU OR YOUR SPOUSE / Bạn hoặc vợ/chồng
đã công vụ với Chính Phủ Việt Nam.

1. Name of Person Serving : LIEU HIEM
Họ tên người tham gia
2. Dates : From : 23 March 1965 To : 31 March 1974
Ngày tháng năm Từ tới
3. Last Rank : Sergeant I Mil. Serial No. : 28/199.946
Cấp bậc cuối cùng
4. Ministry/Office/Mil. Unit :
Bộ/Sở/Đơn vị binh chủng
5. Name of supervisor / C.O. :
Họ tên giám thị/Sĩ chỉ huy
6. Reason for Separation : Over time duty.
Lý do nghỉ việc
7. Names of American Advisor(s) :
Tên họ cố vấn Mỹ
8. U.S. Training Courses in Viet Nam :
Chương trình huấn luyện của Hoa Kỳ
tại Việt Nam
9. U.S. Awards or Certificates
Name of Award : Date Received :
Phân thưởng/Giấy khen Ngày nhận

(NOTE : Please attach any copies of diplomas, awards or certificates,
if available. Available ? NO.)

(CHÚ Ý : Xin bạn kèm theo bất cứ văn bằng, giấy khen, hoặc chứng thư,
nếu có. Bạn có không ? KHÔNG.)

G. TRAINING OUTSIDE VIETNAM OF YOU OR YOUR SPOUSE / Bạn hoặc vợ/chồng đã được huấn luyện ở ngoài quốc.

1. Name of Student/Trainee :
Họ tên sinh viên/người thụ huấn
 2. School and School Address :
Tên trường và địa chỉ trường
 3. Dates : From :
Ngày, tháng, năm Từ To :
tới
 4. Description of Courses :
Mô tả ngành học
 5. Who paid for training ?
Ai đài thọ chương trình huấn luyện
- (NOTE : Please attach copies of diplomas or orders, if available.)
Available ? Yes : ... No : X.)
- (CHÚ Ý : Xin bạn kèm theo văn bằng, hoặc chỉ thị, nếu có. Bạn có không ? Có : ... Không : X.)

H. RE-EDUCATION OF YOU OR YOUR SPOUSE / Bạn hoặc vợ/chồng đã học tập.

1. Name of Person in Re-Education :
Họ, tên người học tập cải tạo
2. Time in Re-Education : From :
Thời gian học tập Từ To :
tới
3. Still in Re-Education ? Yes : ... No : X
Còn học tập cải tạo không Còn Không

(If released, we must have a copy of your release certificate.)
(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại của bạn.)

- L. I AM AN ELDERLY PERSON? / Tôi có phải là người già không? When I was dismissed, I had been rather old. Now I am growing older and weaker. In the past, all my family live on the allowance, but after Apr.75, we could no more.
2. I wish I could be kept granted War veteran allowance since April until now.

Signature :
Ký tên

Date :
Ngày

J. ALL DOCUMENTS ENCLOSED / Tất cả hồ sơ đính kèm :

2. Photocopy of our marriage certificate.
3. Photocopy of our 'Living-Together' Certificate.
4. Photocopy of my military curriculum vitae.
5. Photocopy of In-Army Certificate.
6. Photocopy of Dismission Certificate.
7. Photocopy of Stop Granting Salary.
8. Photocopy of the Decision.
9. Photocopies of our ~~IE~~ pre-75 ID Cards.
10. Photos.

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
THẺ CĂN-CƯỚC

Số 02395980



Họ tên

THẠCH-THỊ-TẠO

Ngày, nơi sinh 1928

Ngọc-Chúc, Nách-Giá

Gò

Thị-Tư

Quê cũ

Dai-tô, Sơn-tam

Dấu vết riêng:

Nút ruồi phải sơn c_hn

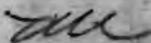
Cao: 1 th 54 B

Nặng: 54 Kg

Chữ ký đương sự:

Kontum ngày 6.II.1969

Trưởng-Ty Cảnh-Sát Q-G₃


PHA - CÔNG - TRU

Ngón trỏ mặt

Ngón trỏ trái

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
THẺ CĂN-QUỐC

Số 02395924



Họ-Tên

LIÊU - HINH

Ngày, nơi sinh

1926

Thôn-Kông,

Quan-Thô

Liêu-Lên

Thị-Sân-Hào

Địa chỉ

Dakto,

Kontum

Dấu vết riêng:

Tàn nhang sơn căn

Cao: 1 th 58 N

Nặng: 50 Kg

Chữ ký đương sự:

KONTIM ngày 6-11-1969

Trưởng-Ty Cảnh-Sát Q G 2

PHẠM-CÔNG-TRỮ

Ngón trỏ mặt



Ngón trỏ trái



BỘ TƯ - PHÁP

SỞ TƯ PHÁP TRUNG PHÂN

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

Tòa Hòa-giải Rộng Quyền **PLEIKU**

Tòa Hòa-giải Quận **KONTUM**

GIẤY THẺ VÌ KHAI - SANH

Số **3904**

Năm một ngàn chín trăm sáu **MƯỜI LAM**

ngày **TAM** tháng **MƯỜI**

hồi **MƯỜI GIỜ**

TRƯỚC MẶT CHÚNG TÔI :

ĐẠI ỦY ĐOÀN - KỲ - LONG Quận - Trưởng kiêm Thẩm - phán Tòa Hòa - giải **KONTUM**

ÔNG NGUYỄN - ĐÌNH - LONG Thư ký Hành - Chánh kiêm Lục - sự giúp việc.

CÓ ĐẾN KHAI :

1) **LÊ VĂN NGHĨA** 40 tuổi, kiểm-tra số **036.081**

cấp tại **KIÊN GIANG** ngày **29-03-1962**

Hiện cư-trú tại **K.B.G. 6.099**

2) **LIÊU - THỐC** 43 tuổi, kiểm-tra số **171.730**

cấp tại **CẦN - THƠ** ngày **10-6-1964**

Hiện cư-trú tại **K.B.G. 6.099**

3) **NGUYỄN - VĂN - CHI** 42 tuổi, kiểm-tra số **014.929**

cấp tại **LONG - XUYÊN** ngày **10-6-1964**

Hiện cư-trú tại **K.B.G. 6.099**

Những người chứng nói trên, sau khi thề nói tất cả sự thật và chỉ có sự thật để khai và chứng nhận, biết rõ :

LIÊU - HOÀNG
sinh ngày **sáu tháng sáu năm một ngàn chín trăm năm mươi sáu.**

tại làng **THỐI - ĐÔNG, Tỉnh Phong-Dinh**

là con của Ông **LIÊU - HIỂM** và Bà **THẠCH THỊ TAO**

Các nhân chứng này quả quyết rằng **LIÊU - HOÀNG**
không thể xuất nạp giấy Khai **SANH ĐƯỢC** vì lẽ biến cố chiến-tranh
giao-thông gián-đoạn, sổ Hộ-tịch chánh quán bị phá hủy, bản chánh bị thất lạc.

Các người chứng đã nhận thực các lời khai ở trên, nên chúng tôi cấp giấy chứng
chỉ Thẻ - vì **Khai sanh** cho **LIÊU - HOÀNG** để tiện dụng

Chiếu theo **Điều 48 Bộ Luật Nam Phần.**

Điều 337 Hình-luật Trung-phần phạt tội làm chứng gian về việc Hộ 3 tháng đến
1 năm tù và tiền phạt từ 30 đồng đến 120 đồng đã đọc cho nhân chứng và nguyên đơn nghe.

Những người chứng sau khi nghe đọc Bản văn này đã ký tên cùng chúng tôi và Lục-sự.

Người khai,

Những người chứng,

Lục - sự,

Thẩm - phán

Ký Tên
LIÊU - HIỂM

Đồng ký Tên
- **Lê-văn Nghĩa**
- **LIÊU - THỐC**
- **NGUYỄN VĂN CHI**

(Đã ấn ký)
NGUYỄN ĐÌNH LONG

Đại Ủy
ĐOÀN KỲ LONG



NGUYỄN - ĐÌNH - LONG

Số : 3903

*

Năm một ngàn chín trăm sáu mươi lăm

Ngày tám tháng mười hai

TRƯỚC MẶT CHÚNG TÔI :

Đại-Uý Đoàn-Kỳ-Long Quận-Trưởng kiêm Thẩm phán Tòa Hòa-Giải Quận Kontum

Ông Nguyễn-Dinh-Long Thư-ký Hành-Chánh kiêm Lục-Sự giúp việc.

CÓ ĐẾN KHAI :

- 1) Lê-Văn-Nghĩa 40 tuổi, kiểm-tra số 036.081
 Cấp tại Kiên-Giang ngày 29-3-1962
 Hiện cư-trú tại K.B.C 6.099
- 2) Liêu-Thước 43 tuổi, kiểm-tra số 171.738
 Cấp tại Cần-Thơ ngày 10-6-1964
 Hiện cư trú tại K.B.C 6.099
- 3) Nguyễn-Văn-Chi 42 tuổi, kiểm-tra số 041.929
 Cấp tại Làng-Xuyến ngày 10-6-1964
 Hiện cư trú tại K.B.C 6.099

Những nhân chứng nói trên sau khi thề nói thật cả sự thật và chỉ có sự thật để khai
 vì chứng nhận biết rõ : LIÊU-HƯƠNG

Sinh ngày Mười tháng mười năm một ngàn chín trăm năm mươi bốn

Tại Làng Thới-Dông , Tỉnh Phong-Dinh

Con của Ông Liêu-Hiến và Bà Thạch-Thị-Tao

Các nhân chứng quả quyết rằng : LIÊU-HƯƠNG

không thể xuất nập GIẤY KHAI-SANH được vì là biên-cờ chiến-tranh, giao-thông gián
 đoạn, SỔ HỘ-TỊCH chánh-quản bị phá hủy, bản chánh bị thất lạc.

Các nhân chứng đã nhận thật những lời khai ở trên, nên chúng tôi cấp Giấy Chứng
 Chỉ Thề-Vì Khai-Sanh cho : LIÊU-HƯƠNG để tiện dụng.

Chiếu theo Điều : 48 Bộ Luật Nam-phần

Điều 337 Hình-Luật Trung-Phần phạt tội làm chứng gian về việc HỘ, từ 3 tháng đến
 1 năm tù, và tiền phạt vạ từ 30\$ đến 120\$. Đa đọc cho nguyên đơn và nhân chứng nghe.

Những nhân chứng sau khi nghe đọc bản văn này đã ký tên cùng chúng tôi và Lục-sự.

Người khai,

Những nhân chứng,

Lục-sự,

Thẩm-phán.

(v ký tên)

(Đồng ký tên)

(Dấu ấn ký) Đại-Uý

Liêu-HiếnLê-Văn-NghĩaNguyễn-Dinh-LongĐoàn-Kỳ-LongLiêu-ThướcNguyễn-Văn-Chi

TRƯỞNG-LỤC-Y BÀN-CHÁNH

Kontum, ngày 21 tháng 3 năm 1968

LỤC-SỰ

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
 TUYÊN-BỐ QUÂN
 LỤC-SỰ
 NGUYỄN-DINH-LONG

KHAI - SANH

Số hiệu : 4/422/68

Tên họ ấu-nhi :	Liêu-Thị-Xuân
Phái :	Nữ
Sanh :	Ngày Mười bốn Tháng sáu, Năm một Ngàn chín-
ngày, tháng, năm	Trăm, sáu mươi tám. (Tl-06-I.968)
Tại :	Đakto Kontum.
Cha :	Liêu-Hiêm
tên họ	
Tuổi :	Năm I.928
Nghề-nghiệp :	Quân-Nhân
Cư trú tại :	KBC, 4789
Me :	Thạch-Thị-Tao
tên họ	
Tuổi :	Năm I.928
Nghề-nghiệp :	Nội-tro
Cư trú tại :	Đakto Kontum
Vợ :	Chánh
chính hay thứ	
Người khai :	Liêu-Hiêm
tên họ	
Tuổi :	Năm I.928
Nghề-nghiệp :	Quân-Nhân
Cư trú tại :	KBC, 4789
Ngày khai :	Ngày Mười chín Tháng sáu Năm một ngàn,
	chín trăm sáu mươi tám. (19-06-I.968)
Người chứng thứ nhất :	Đàm-Minh-Trí
tên họ	
Tuổi :	Năm I.942
Nghề-nghiệp :	Quân-Nhân
Cư trú tại :	KBC, 4789
Người chứng thứ nhì :	Liêu-Thước
tên họ	
Tuổi :	Năm I.928
Nghề-nghiệp :	Quân-Nhân
Cư trú tại :	KBC, 4789

Phụng Trích-Lục

Y-bộ Khai-Sanh Năm I.968
Của Quận ĐAKTO.
ĐAKTO Ngày 18-08-I.969.



Làm tại Xã : Đakto , ngày 19 tháng 06 năm 19 68

Người khai, Hộ - Lại, Nhân chứng

Ký-tên

(Miễn)

Liêu-Hiêm

(Ký-tên và Đóng dấu)

(Ký-tên)

Đàm-Minh-Trí
Liêu-Thước

CHỖ ĐÓNG CHỮ KÝ
của Ông: *B. Cam*
ĐẮC-TỔ, ngày 18 tháng 8 năm 1969

QUẢN-TRƯỞNG

PHÓ-QUẢN-TRƯỞNG

Thượng-Vụ Đakto



Đại-Ủy YREO

KHAI - SANH

Số hiệu : _____

Tên họ ấu-nhi : LIÊU - ỚT
 Phái : Nam
 Sinh : Ngày một tháng tám năm một ngàn chín trăm sáu
 ngày, tháng, năm Mười chín (01-8-1969)
 Tại : Dakto, Kontum
 Cha : LIÊU-HIỆM
 tên họ
 Tuổi : Năm 1928
 Nghề-nghiep : Quan-nhan
 Cư trú tại : KBC.4789
 Mẹ : THẠCH-THIỆT
 tên họ
 Tuổi : Năm 1928
 Nghề-nghiep : Nội trợ
 Cư trú tại : Dakto, Kontum
 Vợ : Chánh
 chánh hay thứ
 Người khai : LIÊU-HIỆM
 tên họ
 Tuổi : Năm 1928
 Nghề-nghiep : Quan-nhan
 Cư trú tại : KBC.4789
 Ngày khai : Ngày bảy tháng tám năm một ngàn chín trăm
sáu mươi chín (07-8-1969)
 Người chứng thứ nhất : LIÊU-HÊN
 tên họ
 Tuổi : Năm 1946
 Nghề-nghiep : Quan-nhan
 Cư trú tại : KBC.4789
 Người chứng thứ nhì : ĐỖ-HOÀNG-DÂN
 tên họ
 Tuổi : Năm 1937
 Nghề-nghiep : Quan-nhan
 Cư trú tại : KBC.4789

PHỤNG TRÍCH LỤC Y
 BỘ KHAI SANH NAM
 1969 CỦA QUẬN DAKTO
 Dakto, ngày 7-8-1969

Làm tại Xã : Dakto, ngày 07 tháng 8 năm 1969
 Người khai, Hộ - Lợi, Nhân chứng

LIÊU-HIỆM
 (ký tên)

BLEAM

- LIÊU-HÊN (ký tên)
 - ĐỖ-HOÀNG-DÂN (ký tên)

NHÂN THỰC CHỮ KÝ
 của ông Liêu Lợi
 ĐẶC-TỔ, ngày 5 tháng 8 năm 1969
 QUÂN-TRƯỞNG

QUÂN-TRƯỞNG
 Hoàng-Vụ Dakto
 Đại-Ủy YREO

KHAI-SANH

Số hiệu 98/690/70

Tên họ ấu nhi	LIÊU - HÈ
Phối	Nam
Sinh ngày năm, tháng tám, năm một nghìn chín trăm bảy mươi (05-8-1970)	
Tại	Dakto, Kontum
Cha (Tên họ)	LIÊU - HIEM
Tuổi	Năm 1928
Nghề nghiệp	Quân-nhân
Cư trú tại	KBC. 4.789
Mẹ (Tên họ)	Thạch-thị-Tao
Tuổi	Năm 1928
Nghề nghiệp	Nội-trợ
Cư trú tại	Dakto, Kontum
Vợ (Chánh hay thứ)	Chánh
Người khai (Tên họ)	LIÊU - HIEM
Tuổi	Năm 1928
Nghề nghiệp	Quân-nhân
Cư trú tại	KBC. 4.789
Ngày khai ngày năm, tháng tám, năm một nghìn chín trăm bảy mươi (05-8-1970)	
Người chứng thứ nhất (Tên họ)	KIÊM-SOL
Tuổi	Năm 1934
Nghề nghiệp	Quân-nhân
Cư trú tại	KBC. 4.789
Người chứng thứ nhì (Tên họ)	LIÊU-HEN
Tuổi	Năm 1946
Nghề nghiệp	Quân-nhân
Cư trú tại	KBC. 4.789

Trích lục y bộ khai sinh năm 1970 của Quận Dakto Dakto, ngày 06/8/1970



Nhà in PHƯƠNG-LINH Kontum

Làm tại Quận Dakto ngày 05 tháng 08 năm 1970

NGƯỜI KHAI

HỘ LẠI

NHÂN CHỨNG

LIÊU - HIEM

PHAN-LƯƠNG

1/- KIÊM-SOL (ký tên)

(ký tên)

(ấn ký)

2/- LIÊU-HEN (ký tên)

NHÂN THỰC CHỦ KÝ

Khai tại Dakto

ngày 05 tháng 8 năm 1970

QUẬN-TRƯỞNG

K. QUẢN-TRƯỞNG

Phó-Quận-Trưởng



NGUYỄN-HỮU-ĐỀ

Phó-Độc-Su

KHAI - SANH

Số hiệu : 3/258/67

Tên họ ấu-nhi :	LIÊU-HÀ
Phái :	Nam
Sinh : (ngày, tháng, năm)	Ngày hai mươi tháng bảy năm một ngàn chín trăm sáu mươi bảy (20-07-1967)
Tại :	ĐAKTO Kontum
Cha : (tên họ)	Liêu-Hiêm
Tuổi :	Năm 1928
Nghề-nghiệp :	quân nhân
Cư trú tại :	KBC 4.739
Mẹ : (tên họ)	Thạch-Thị-Tao
Tuổi :	Năm 1928
Nghề-nghiệp :	Nơi trợ
Cư trú tại :	ĐAKTO Kontum
Vợ : (chánh hay thứ)	chánh
Người khai : (tên họ)	Liêu-Hiêm
Tuổi :	Năm 1928
Nghề-nghiệp :	quân nhân
Cư trú tại :	KBC 4.789
Ngày khai :	Ngày hai mươi bốn tháng bảy năm một ngàn chín trăm sáu mươi bảy (24-07-1967)
Người chứng thứ nhất : (tên họ)	Liêu Thục
Tuổi :	Năm 1922
Nghề-nghiệp :	quân nhân
Cư trú tại :	KBC 4.789
Người chứng thứ nhì : (tên họ)	Nguyễn Văn Cảnh
Tuổi :	năm 1939
Nghề-nghiệp :	quân nhân
Cư trú tại :	KBC 4.789

Phụng trích Lục
Y BỐ khai sanh Năm 1967
Của QUẬN ĐAKTO.
Đakto ngày 25/07/1967.



Lập tại Xã : ĐAKTO, ngày 24 tháng 07 năm 1967

Người khai,

Hộ - Lai,

Nhân chứng

Liêu Hiêm
(ký tên)

BLEAM
(ký tên và đóng dấu)

Liêu Thục
(ký tên)
(nguyễn văn cảnh
(ký tên)

QUẢN TRƯỞNG CHỖ KÝ

Uỷ Lai
25/07

KT QUẢN TRƯỞNG
Phó Quận trưởng



NGUYỄN-KHÁNH

KHAI-SANH

Số hiệu: 010

Tên họ ấu nhi :	LIÊU-THỊ-THU
Phái :	NỮ
Sanh : (ngày, tháng, năm)	HAI MƯƠI TÁM, THÁNG TÁM, NĂM MỘT NGÀN CHÍN TRĂM SÁU MƯƠI SÁU (18-8-1966)
Tại :	QUẬN KONTUM
Cha : (tên họ)	LIÊU-NGÂN
Tuổi :	NAM 1929
Nghề-nghiệp :	QUÂN-NHÂN
Cư trú tại :	K.B.C.6.099
Mẹ : (tên họ)	THẠCH-THỊ-TẠO
Tuổi :	NAM 1929
Nghề-nghiệp :	HỘ-TRƯ
Cư trú tại :	K.B.C.6.099
Vợ : (chánh hay thứ)	CHÂN
Người khai : (tên họ)	LIÊU-NGÂN
Tuổi :	NAM 1929
Nghề-nghiệp :	QUÂN-NHÂN
Cư trú tại :	K.B.C.6.099
Ngày khai :	HAI MƯƠI THÁNG TÁM, NĂM MỘT NGÀN CHÍN TRĂM SÁU MƯƠI SÁU (18-8-1966)
Người chứng thứ nhất : (tên họ)	NGUYỄN-VĂN-CHI
Tuổi :	NAM 1924
Nghề-nghiệp :	QUÂN-NHÂN
Cư trú tại :	K.B.C.6.099
Người chứng thứ nhì : (tên họ)	ĐÀO-SUNG
Tuổi :	NAM 1935
Nghề-nghiệp :	QUÂN-NHÂN
Cư trú tại :	K.B.C.6.099

PHỤ TẠCH LỤC
Y BỘ KHAI SANH NAM 1966
CỦA QUẬN KONTUM.
KONTUM ngày 14/8/66
Ủy Viên Hộ Tịch Quận
Kontum



Lập tại Xã : KONTUM , ngày 20 tháng 8 năm 1966

Người khai,

Hộ - lại,

Nhân chứng

Ký Tên

Ký Tên

Ký Tên

Chứng-thư chữ ký của LIÊU-NGÂN

CHỦ TỊCH ỦY BAN HÀNH CHÍNH

KONTUM ngày 17/8 năm 1966

T. L. TỈNH-TRƯỞNG

Trưởng Ủy Ban Hành Chính

Vanht

CH. V. N. T. R.

Ph. 10-34

NGUYỄN-VĂN-CHI
ĐÀO-SUNG

TỈNH PHONG - DINH

BẢN SAO LỤC BỘ SANH TẠI XÃ THỚI-ĐÔNG

Năm 1.965
Số hiệu Bốn mươi

Tên họ đứa con nít	LIEU-SON
Nam hay nữ	Nam
Sanh ngày nào	Mười chín tháng hai dương-lịch, năm một ngàn chín trăm sáu mươi lăm.
Sanh tại đâu	xã Thới-Đông
Tên, họ cha	Liêu-Hiêm
Cha làm nghề gì	Làm ruộng
Nhà cửa ở đâu	xã Thới-Đông
Tên, họ mẹ	Thạch-thị-Tao
Mẹ làm nghề gì	Làm ruộng
Nhà cửa ở đâu	xã Thới-Đông
Vợ chánh hay vợ thứ	

Tại THỚI-ĐÔNG ngày 22 tháng 02 năm 1965

NGƯỜI KHAI
Liêu-Hiêm
(ký tên)

HỘI-VIÊN HỘ-TỊCH
ký tên hoặc đóng dấu
Lê-văn-Rạng

(ấn ký) NGƯỜI CHỨNG
1. Ngô-văn-Tân (ký tên)
2. Chau-Len (ký tên)

Chứng cho hợp pháp chữ ký ngang đây
của U.B.H.C. xã THỚI-ĐÔNG

THUẬN-TRUNG ngày 1965
QUẢN-TRƯỞNG

TRÍCH LỤC Y BỘ ĐỜI
THỚI-ĐÔNG ngày 26-04-1965

ỦY BAN HÀNH-CHÁNH XÃ
CHỦ-TỊCH kiêm ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH

Lê-văn-Rạng.

CHỨNG CHỈ CƯ - TRÚ

Tôi Nguyễn-Tổ Xã Trưỡng
 Chủ tịch Ủy Ban Hành Chính
 Xã Dakhmang Dakto Tỉnh Kontum
 Chứng nhận rằng gia đình Ông LIÊU-HIỆM

Tung sự tại Đại-Đội 439/BPQ KBC. 45789
 gồm có

Vợ Tên là 1 vợ + 5 con

Con thứ nhất tên là	<u>Thạch-thị-Tao</u>	
Con thứ hai tên là	<u>Liêu-Hương</u>	<u>sinh ngày 10-10-1954</u>
Con thứ ba tên là	<u>Liêu-Hoang</u>	<u>06-06-1956</u>
Con thứ tư tên là	<u>Liêu-Son</u>	<u>17-10-1965</u>
Con thứ năm tên là	<u>Liêu-thị-Thu</u>	<u>18-08-1966</u>
Con thứ sáu tên là	<u>Liêu-Hà</u>	<u>20-07-1967</u>
Con thứ bảy tên là	<u>Liêu-thị-Xuân</u>	<u>14-06-1968</u>
Con thứ chín tên là	<u>Liêu-Ưt</u>	<u>01-08-1969</u>
Con thứ mười tên là	<u>Liêu-Kết</u>	<u>05-08-1970</u>

Hiện đang cư trú tại số nhà _____ đường Liêu-Kết

liên gia _____ Vùng _____ Ấp _____ tại xã chúng tôi.

Xã Dakhmang, ngày 10 tháng 8 năm 1970

Chủ tịch Ủy Ban Hành Chính Xã DAKHMING

NHẬN THỰC :

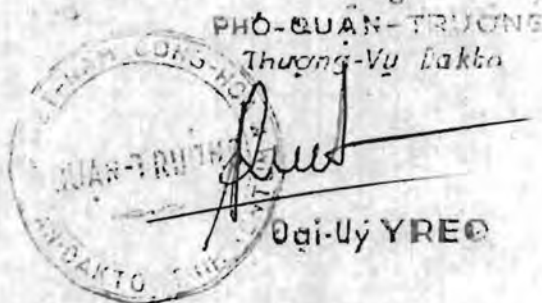
Chữ ký của Ông NGUYỄN-TỔ

Là Chủ tịch Ủy Ban Hành Chính Xã DAKHMING

DAKTO, ngày 10 tháng 8 năm 1970



NGUYỄN-TỔ



PHÓ-QUẢN-TRƯỞNG
Thượng-Vụ Dakto

Đại-Ủy YREQ

MIET NAM CONG HOA
QUAN LUC MIET NAM CONG HOA
QUAN DOAN IW A QUAN KHU 4
BO THIM MUU
PHONG TONG QUAN TRI

- Chiếu Huan tui so 630-400 ngày 19.10.1968 của B. Tổng Tham Muu w/w an dinh vico
thang cap quan nhan trong Quan Luc Viet Nam Cong Hoa.
- Chiếu SWAT so 4463/TM/NW/QT ngày 22/12/1968 của B.TM w/w thang cap duong nhien
cho Binh 2, Ha si va Trung Si/CLQ - DPQ thuoc QL WNGH

Q U Y E T * D I N H

ĐỀ TÀI 1. - Các Trung-Sĩ Chu Lược Quan và Địa Phương Quan có tên dưới đây đã hỏi
điều kiện thăng cấp đương nhiên được thăng cấp Trung-Sĩ 1.

KE TU NGAY 24.02.1970

7./6 TS.DPQ/DO LIEU - HIEM Sq. 28/199:946 thuoc TK.An Giang

DEU THU 2.

ĐIỀU THỨ 3. Các Đơn vị Trưởng liên hệ chiếu rọi và thi hành Quyết định này. /-

hbu. 3402, ngày 22 tháng 2 năm 1972
 Trung Tướng NG. QUANG TRUONG
 Tư Lệnh Quân Đoàn 1W - Quận khu 4
 (ký tên và đóng dấu)

TRICH SAO Y BAN CHANH

So 0.275 / DD/QS/BS

KBC. 4280 ngày 30 tháng 4 năm 1972.

VIỆT NAM CỘNG HÒA
ĐẠI DỐI THƯỜNG ĐAI DỐI 4/342/ĐPQ
ĐẠI DỐI 4/342
Đ.Đ.Đ.
THÀNH AN GIANG

PR

TƯỚNG-MAO VÀ QUÂN-VU

CỦA Trung-Sĩ ĐPQ/ĐƯ LIÊU-HIỆM

SỐ QUÂN 28/199.946

TÍNH - TRẠNG DÂN SỰ		TƯỚNG MAO
Sinh ngày 1928	Tại Ngọc-Chuộc	Tóc /
Tổng	Quận	Mắt /
lính Bạch-Giá	Nghề nghiệp	Mũi /
Con Ông Liêu-Lên (c)	và Bà Thạch-Thị-Nao (c)	Trán /
Ngụ tại	Tổng	Mặt /
Quận	Tỉnh	Vóc, người lth
Cưới Vợ Ngày 2-2-50		Dấu riêng /
Vợ Cô Thạch-Thị-Tao	Ngụ tại Thới-Đông	
Tổng	Quận	
Tỉnh Phong-Dinh	Giấy phép	

Công-Vu Liên-Tiếp

- Cựu Cán Bộ Lực-Động Giáo-Phái Hòa hảo ,sinh nguyện nhập ngũ vào Địa-Phương Quân với cấp Binh nhì kể từ ngày 23-3-65 do QĐ số 41/ĐPQ/V2CT/PI/TQT/QĐ ngày 8-5-65 Phục vụ tại BCH/ĐPQ/V2CT , công vụ kể từ ngày ấy .
- Chuyển chuyển đến BCH/ĐPQ Tỉnh Kontum công vụ kể từ ngày 15-8-65 do LTC số 2592/ĐPQ/V2CT/PI/TQT/LTC ngày 26-7-65 .
- 23-3-65 Được điều chỉnh với cấp Hạ-Sĩ Địa-Phương-Quân đồng hóa do QĐ số 781/BCH/TU/ĐPQ+NQ/TQT ngày 28-12-1965 .
- Được theo học khóa 7/66 đào tạo HSQ/ĐPQ tại TTHL/Phủ-Cát từ ngày 15-12-66 đến ngày 28-2-67 .
- 24-2-67 Được thăng cấp Trung-Sĩ do QĐ số 2714/TTM/TQT/ĐPQ/QĐ ngày 5-4-67 .

(Bó tức hồ-sơ xin chuyển)

ĐƠN VỊ TRƯỞNG

KBC 6.143 ngày 03 tháng 3 năm 1969

CHUNG THỰC :

Trung-Ủy CAO-VĂN
Trung-Ủy-Trưởng I.B.C

(Signature)

BẢN-PHỤ

ĐƠN-VỊ : 11.111.111.111

KBC : 6166

SỐ PKS/LB: 5.49.39

CHỨNG CHỈ NGỪNG LƯƠNG

PHỤ BẢN 3

MẪU 2 LB

Số : 332/

Đại Ủy DƯƠNG VĂN HẰNG Sĩ Quan Tài Chánh

Chứng nhận (cấp bậc, họ và tên) TSI(ĐPQ) LIEU-HIỆM

Số quân 28/199.946

Bậc-lương 01.08.73 T08

Phụ khoản chuyên môn 0

Nội trú hay ngoại trú (1)

Tình trạng gia-dình Vợ 09 con

Vợ: *Thạch*
NGUYỄN THI TAO Cưới ngày 22.02.50 Số DK 3899 ngày 15.09.67
Con 1.- LIEU THƯƠNG Sinh ngày 10.10.54 " 70 ngày 15.10.54
- 2.- LIEU HOANG Sinh ngày 06.06.56 " 3966 ngày 08.10.56
- 3.- LIEU SON Sinh ngày 17.10.65 " 1756 ngày 29.10.65
- 4.- LIEU THI THU Sinh ngày 18.08.66 " 018 ngày 20.08.66
- 5.- LIEU HA Sinh ngày 20.07.67 " 422 ngày 19.06.68
- 6.- LIEU THI XUAN Sinh ngày 14.06.68 " 422 ngày 19.06.68
- 7.- LIEU UT Sinh ngày 01.08.69 " 917 ngày 07.08.69
- 8.- LIEU ET Sinh ngày 05.08.70 " 690 ngày 05.08.70
- 9.- LIEU THI LIEN Sinh ngày 01.18.71 " 270 ngày 02.08.71
- 10.- Sinh ngày " ngày

Đã trả lương đến hết tháng BA 1974 theo các chi-tiết :

NHAN VIÊN THIẾT LẬP:

HSI PHAN MINH QUÂN

Lương chính : 9.900.00
- Phụ cấp gia đình : 11.1008
- Phụ cấp chức vụ : 3.0000
- Phụ cấp sai biệt công chức : 1.700
- Phụ cấp ẩm thực đặc biệt : 25.700.00
- Phụ cấp binh chủng :
- Phụ cấp linh tinh :

THAM-CHIẾU : SVVT số:4910/TTM/1/NV/QT/ ngày 07.12.73

THAM-CHIẾU : QĐGN số:18.281/TTM/TQT/NSV/TPGN ngày 29.11.73.

Đương sự không còn nợ gì hay còn thiếu gì của
số tiền về việc.

BẢN ĐÍNH KÈM :

KBC 6166 ngày 10 tháng 4 năm 1974

NƠI-NHẬN :

1. HƯNG CHỈ GIẢI NGŨ

Đại-Tá PHAM VAN MÂN Tiểu-Khu-Trưởng
Tiểu-Khu An Giang

VIET-NAM CONG-HOA
BO QUOC-PHONG
QUAN-LUC VIET-NAM CONG-HOA
QUAN ĐOAN IV QUAN KHU 4
BO CHI HUY TIÊU KHU ANGIANG
Số D.222/TKAG/PTQT/TDGN

CHUNG NHÂN :

LIÊU HIEM cấp bậc Trung-Sĩ I. Số quân 28/199.946
Sanh ngày 1928 tại Ngọc-Chúc Rạch-Giá
Con Ông Liêu-Lênh (C) và Bà Thạch-thị-Nao (C)
Nhập ngũ vào Quân-Lực Việt-Nam Cộng-Hòa ngày 23 tháng 3
năm 1965 Được giải ngũ ngày 31 tháng 3 năm 1974
Do QĐ số 18.281/TTM/TQT/NSV ngày 9 tháng 11 năm 1973
Của (Cơ quan, Đơn vị) Bộ TTM
Thâm niên quân vụ : 09 năm 0 tháng 08 ngày
LX DO GIẢI NGŨ : Đáo hạn tuổi quy chế

Địa chỉ khai về cư ngụ

KBC.4280, ngày 31 Th.BA 1974
Thiếu-Tá NGUYỄN-HỒNG-LIÊN
Tham-Mưu-Trưởng
(án ký)

Chữ ký đương sự

SAO Y BẢN CHÍNH



4280, ngày 3 tháng 4 năm 1974

Đại-Tá PHAM VAN MÂN
Tiểu-Khu-Trưởng (án ký)
Trung-Tổ TRẦN CAO-KHIẾT
Tiểu-Khu Phó

Trung-Tổ NGUYỄN-HỒNG-LIÊN
Tham-Mưu-Trưởng IK. An Giang

Đại-Tá NGUYỄN-HỒNG-LIÊN

Tham-Mưu-Trưởng TK. An Giang

VIỆT NAM CỘNG HÒA

QUÂN LỰC VIỆT NAM CỘNG HÒA

ĐL/QUÂN-LOẠI IV-LOẠI-KHUU 4

BỘ CHỈ HUY TIỂU-KHU AN-GIANG

ĐI-TRÁ PHẠM-VĂN-HÂN TIỂU-KHU-TRƯỞNG TIỂU-KHU AN-GIANG
Số: 442/TKAG/P.TAT/TCGN.

ĐI-TRÁ PHẠM-VĂN-HÂN TIỂU-KHU-TRƯỞNG TIỂU-KHU AN-GIANG

CHÚNG NHẬN :

Trung sĩ 1/ĐPQ/ĐƯ LIÊU HUYM Số quân . 38/1970.046 . . .

đã phục-vụ trong QLVNCH từ . . . 3-3-1965 đến . 31-3-1974

Huy chương, Tuyên Dương Công trạng, Bằng Tưởng-Lục : . QI.CTBT-QI.QPBT-QI.QVBT

Bằng chuyên-lôn của Quân-Đội :

Chức-vụ hay công việc đã đảm trách : Thượng vụ Đại-Đội

Đường-sự có hạnh kiểm tốt trong suốt thời gian tại ngũ và luôn luôn lấy
định-dự phụng-sự một cách trung thành.

Công-tau này cấp cho đường-sự để chiếu dụng.-

KDC. 4280, ngày

31 THÁNG 1974
THAM MÔCH TRƯỞNG
Khu

From: LIEU HIEM

Ấp Thới Trường

Xã Thới Xuân

Huyện Ô Môn

Hậu Giang VIỆT NAM

R 965
#965



MÁY BAY
PAR AVION

TO : MRS KHUC MINH THO
PO. BOX 5435 ARLINGTON
VA. 22205-0635
U. S. A.

979-287304